|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày  tháng   năm 2021* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO LẦN 3** |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê như sau:**

*1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:*

*a) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:*

“4a. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

đ) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

e) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

g) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

h) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

i) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.”.

*b) Bổ sung khoản 4b vào sau khoản 4a như sau:*

“4b. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.”.

*c)* *Sửa đổi khoản 7 như sau:*

“7. Không áp dụng quy định tại Điều 13 của Nghị định này để xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan báo chí, nhà xuất bản được thực hiện theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.”.

*2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:*

“**Điều 3a. Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, 4, 5, 6 Điều 3 của Nghị định này, thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 của Nghị định này, thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả là 30 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Trong trường hợp, quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định thời hạn thi hành thì thực hiện theo thời hạn trong quyết định.”.

*3. Bổ sung Điều 3b vào sau Điều 3a như sau:*

“**Điều 3b. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện và thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc vào thời điểm người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

2. Hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện là hành vi vi phạm hành chính chưa kết thúc vào thời điểm người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

3. Các hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc trong Nghị định này bao gồm: Điểm b, c khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 5 Điều 7; Điều 8; điểm a, b khoản 1 Điều 9; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 11; khoản 1, 2 Điều 12; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13; điểm b khoản 2 Điều 14.

4. Các hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện trong Nghị định này bao gồm: Khoản 1 Điều 5; điểm c, d khoản 5 Điều 5.

5. Đối với các hành vi vi phạm hành chính không quy định tại khoản 3, 4 của Điều này, việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc hay hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện áp dụng theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này.

6. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.”.

*4. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:*

“**Điều 17. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thống kê đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo.

2. Chánh Thanh tra sở; Trưởng đoàn thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Tổng cục Thống kê có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 21.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.”.

*5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:*

*“***Điều 18.****Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5; Điều 6; khoản 1, 2 Điều 7; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10; Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 13; Điều 14 của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 15 của Nghị định này.

4. Thanh tra viên, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các sở và cơ quan tương đương của các bộ, cơ quan ngang bộ nêu tại khoản này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra sở quy định tại khoản 4 Điều này; Trưởng đoàn thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10; Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 13; Điều 14 của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Tổng cục Thống kê có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 15 của Nghị định này.

7. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 4 Điều này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 15 của Nghị định này.”

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số [95/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-64-2018-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giong-vat-nuoi-381472.aspx) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (3). | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG** **Phạm Minh Chính** |